

NGUYÊN TẮC KHÔNG TRỰC XUẤT HOẶC TRẢ VỀ TRONG BỐI CẢNH DI CƯ DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU: TIẾP CẬN TỪ LUẬT PHÁP QUỐC TẾ VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

THE PRINCIPLE OF “NON-REFOULEMENT” IN CLIMATE CHANGE-INDUCED MIGRATION CONTEXT: AN INTERNATIONAL LAW PERSPECTIVE AND IMPLICATIONS FOR VIETNAM

Trần Thị Ngọc Suong*, Nguyễn Ngọc Nguyệt Nhi

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: ttnsuong@ufl.udn.vn

(Nhận bài / Received: 01/3/2026; Sửa bài / Revised: 09/4/2026; Chấp nhận đăng / Accepted: 15/4/2026)

DOI: 10.31130/ud-jst.2026.24(5C).307

Tóm tắt - Được hình thành trong khuôn khổ luật tị nạn, luật nhân quyền và tập quán quốc tế, nguyên tắc không trục xuất hoặc trả về (*non-refoulement*) là cơ chế bảo vệ tối thiểu nhằm ngăn chặn việc đưa cá nhân trở lại nơi có thể bị xâm hại nghiêm trọng các quyền cơ bản. Tuy nhiên, việc áp dụng nguyên tắc này cho những người di cư do biến đổi khí hậu (BĐKH) lại thiếu cơ sở pháp lý vững chắc, đồng thời gặp khó khăn khi xác định mối quan hệ nhân quả giữa BĐKH và mức độ đe dọa đối với các quyền con người, cũng như trong việc dung hòa nghĩa vụ nhân đạo với lợi ích quốc gia. Dù phụ thuộc vào cách diễn giải và thực tiễn áp dụng của từng quốc gia, nhưng nguyên tắc này vẫn có thể được vận dụng linh hoạt để bảo vệ những đối tượng dễ bị tổn thương do BĐKH. Điều này cho thấy cần mở rộng cách tiếp cận đối với nguyên tắc *non-refoulement*, đồng thời đặt ra yêu cầu cho các quốc gia như Việt Nam trong việc xây dựng định hướng áp dụng phù hợp.

Từ khóa - Nguyên tắc không trục xuất hoặc trả về; di cư do biến đổi khí hậu; tị nạn; quyền con người; Việt Nam

1. Đặt vấn đề

BĐKH đang trở thành một nguyên nhân quan trọng thúc đẩy các dòng di cư trên phạm vi toàn cầu, khi các hiện tượng thời tiết cực đoan, nước biển dâng và suy thoái môi trường làm suy giảm sinh kế và đe dọa điều kiện sống tối thiểu của con người. Mặc dù mỗi năm có hàng chục triệu người phải di dời do các yếu tố khí hậu [1, tr. 10-11], nhưng khuôn khổ pháp lý quốc tế hiện hành vẫn chưa thừa nhận địa vị pháp lý riêng cho “người di cư do BĐKH”, tạo ra những khoảng trống đáng kể trong cơ chế bảo vệ những đối tượng này.

Trong khi đó, nguyên tắc *non-refoulement* được ghi nhận trong Công ước năm 1951 về quy chế của người tị nạn (Công ước 1951) [2], Nghị định thư năm 1967 [3] và các điều ước về quyền con người, từ lâu đã trở thành nền tảng cốt lõi nhằm bảo vệ người tị nạn. Trong bối cảnh đó, vấn đề đặt ra là liệu nguyên tắc này có thể được áp dụng đối với những người buộc phải rời bỏ quốc gia do tác động nghiêm trọng của BĐKH hay không.

Bài viết kết hợp các phương pháp phân tích - tổng hợp, so sánh - đối chiếu và luật học để làm rõ nội dung cũng như phạm vi áp dụng của nguyên tắc *non-refoulement*; đồng

Abstract - Developed within the frameworks of refugee law, human rights law, and customary international law, the principle of *non-refoulement* constitutes a minimum safeguard aimed at preventing individuals from being returned to places where their fundamental rights may be seriously violated. However, its application to climate-change induced migrants not only lacks a firm legal basis but also faces significant challenges in establishing causal links between climate-related factors and the level of threat to human rights, as well as in balancing humanitarian obligations with state interests. Although its implementation depends on the interpretation and practice of individual states, the principle could still be flexibly invoked to protect populations particularly vulnerable to climate change. This underscores the need to broaden the approach to *non-refoulement*, while also requiring states like Vietnam to develop appropriate frameworks for its application.

Key words - Non-refoulement; climate-change induced migration; refugee; human rights; Vietnam

thời sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp nhằm đánh giá thực tiễn vận dụng nguyên tắc này tại một số khu vực và quốc gia tiêu biểu trên thế giới. Trên cơ sở đó, bài viết đánh giá một số ưu điểm, hạn chế và thách thức trong việc mở rộng cách tiếp cận đối với nguyên tắc *non-refoulement* trước hình thức di cư do BĐKH, đồng thời đưa ra một số gợi mở đối với Việt Nam trong việc tiếp cận và vận dụng nguyên tắc này.

2. Khái quát về nguyên tắc non-refoulement trong luật pháp quốc tế và vấn đề di cư do BĐKH

2.1. Khái quát về nguyên tắc non-refoulement trong luật pháp quốc tế

2.1.1. Trong luật tị nạn quốc tế

Non-refoulement là một trong những nguyên tắc nền tảng của luật tị nạn quốc tế, được quy định tại Điều 33(1) Công ước 1951 và Nghị định thư năm 1967 [2], [3]. Theo đó, các quốc gia không được trục xuất hoặc trả người tị nạn về nơi mà họ có nguy cơ “bị bức hại” vì các lý do như: chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch, thành viên của nhóm xã hội và quan điểm chính trị. Trong khuôn khổ này, nguyên tắc

¹ The University of Danang - University of Foreign Language Studies, Vietnam (Tran Thi Ngoc Suong, Nguyen Ngoc Nguyệt Nhi)

non-refoulement gắn liền với định nghĩa “người tị nạn” và các căn cứ “bị bức hại”, đồng thời được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả nghĩa vụ quốc gia không được từ chối nhập cảnh nếu hành vi đó dẫn đến nguy cơ bị trả về [4]. Tuy nhiên, Điều 33(2) lại cho phép một số ngoại lệ không áp dụng *non-refoulement* trong trường hợp liên quan đến an ninh quốc gia hoặc khi cá nhân bị kết án về một tội đặc biệt nghiêm trọng [2], cho thấy *non-refoulement* không phải là một nguyên tắc tuyệt đối trong luật tị nạn quốc tế.

Nghĩa vụ *non-refoulement* còn được ghi nhận và củng cố trong nhiều văn bản quốc tế khác, chẳng hạn như: Công ước về những khía cạnh cụ thể của vấn đề người tị nạn ở châu Phi năm 1969 [5], Công ước châu Mỹ về Nhân quyền năm 1969 [6], Công ước châu Âu về dẫn độ năm 1967 [7], Công ước quốc tế về chống bắt giữ con tin năm 1979 [8], Tuyên bố của Đại hội đồng Liên hợp quốc (LHQ) về quyền tị nạn lãnh thổ năm 1967 [9], Tuyên bố Cartagena về người tị nạn năm 1984 [10],...

2.1.2. Trong luật nhân quyền quốc tế

Trong luật nhân quyền quốc tế, nguyên tắc *non-refoulement* được củng cố và mở rộng đáng kể, đặc biệt là trong Công ước năm 1984 về chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm (Công ước CAT) [11], với nghĩa vụ cấm trục xuất hoặc dẫn độ một cá nhân đến quốc gia khác nơi có nguy cơ bị tra tấn (Điều 3(1)). Tuy nhiên, khác với Công ước 1951, nghĩa vụ *non-refoulement* trong Công ước CAT mang tính tuyệt đối, không cho phép các ngoại lệ vì lý do an ninh quốc gia hay tính chất phạm tội, và áp dụng bất kể tình trạng pháp lý của cá nhân [12].

Bên cạnh đó, mặc dù không sử dụng thuật ngữ *non-refoulement*, nhưng Công ước quốc tế năm 1966 về các quyền dân sự và chính trị (Công ước ICCPR) [13] được diễn giải theo hướng cấm trục xuất hoặc dẫn độ cá nhân đến nơi có nguy cơ vi phạm nghiêm trọng quyền sống và quyền không bị tra tấn hoặc đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục (Điều 6-7). Nghĩa vụ này được ghi nhận trong giải thích của Cao ủy Nhân quyền LHQ [14], Ủy ban Nhân quyền LHQ [15], đồng thời tiếp tục được củng cố qua nhiều án lệ quốc tế. Chẳng hạn, trong vụ *Soering kiện Vương quốc Anh* (1989), Tòa án Nhân quyền châu Âu xác định rằng việc dẫn độ cá nhân đến nơi mà họ có nguy cơ bị giam giữ khắc nghiệt trước khi thi hành án tử hình có thể cấu thành hành vi đối xử vô nhân đạo [16]. Mặc dù, đây là một án lệ khu vực, nhưng lập luận của Tòa đã có ảnh hưởng đáng kể đến việc giải thích về nghĩa vụ *non-refoulement* trong luật nhân quyền quốc tế.

2.1.3. Trong luật tập quán quốc tế

Sự ghi nhận rộng rãi của nguyên tắc *non-refoulement* trong nhiều điều ước và án lệ quốc tế đã làm nảy sinh tranh luận về địa vị pháp lý và tính chất ràng buộc của nguyên tắc này trong luật pháp quốc tế. Ủy ban Nhân quyền LHQ cho rằng nguyên tắc này đã trở thành tập quán quốc tế nhờ thực tiễn nhất quán và sự thừa nhận nghĩa vụ pháp lý, do đó có tính ràng buộc đối với cả những quốc gia chưa tham gia Công ước 1951 [17]. Điều này thể hiện ở việc nhiều quốc gia mặc dù không phải thành viên nhưng vẫn tuân thủ và đưa ra giải trình khi bị cáo buộc vi phạm nguyên tắc này, tức là đã gián tiếp thừa nhận tính ràng buộc của nó [4, tr. 7]. Đặc biệt, trong

trường hợp liên quan đến nguy cơ bị tra tấn, nguyên tắc *non-refoulement* được xem là đã đạt đến vị thế của một quy phạm mệnh lệnh (*jus cogens*), và không cho phép bất kỳ hành vi trái ngược nào [17], xuất phát từ tính chất tuyệt đối của nghĩa vụ cấm tra tấn trong luật pháp quốc tế [4, tr. 11].

Ngược lại, một số quan điểm khác lập luận rằng việc coi nguyên tắc *non-refoulement* là quy phạm *jus cogens* chưa có cơ sở vững chắc [18], do Công ước 1951 vẫn cho phép các ngoại lệ vì lý do an ninh quốc gia hoặc tội phạm nghiêm trọng theo Điều 33(2) và Điều 1(F) [2]. Bên cạnh đó, các điều ước quốc tế về chống khủng bố cũng quy định nghĩa vụ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân thực hiện hành vi khủng bố [19], cho thấy rằng nguyên tắc *non-refoulement* chưa hoàn toàn mang tính mệnh lệnh tuyệt đối của một quy phạm *jus cogens*. Tuy nhiên, chính những tranh cãi này lại phản ánh sự phát triển năng động của luật pháp quốc tế hiện đại, đồng thời cho thấy xu hướng tăng cường bảo vệ cá nhân gắn với các yêu cầu về an ninh quốc gia và trật tự công cộng.

2.2. Khái niệm và thực trạng của di cư do BDKH

2.2.1. Khái niệm di cư do BDKH

Di cư do BDKH được hiểu là sự di chuyển của con người mà nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp bắt nguồn từ các tác động bất lợi của BDKH diễn ra đột ngột hoặc dần dần. Sự di chuyển này có thể là bị bắt buộc hoặc tự nguyện, tạm thời hoặc lâu dài, trong phạm vi một quốc gia hoặc xuyên biên giới [20, tr. 31]. Tuy nhiên cho đến nay, khái niệm này vẫn chưa được ghi nhận trong luật pháp quốc tế và cũng không thuộc phạm vi bảo hộ của Công ước 1951, vì các yếu tố môi trường hoặc BDKH không nằm trong các căn cứ xác định nguy cơ “bị bức hại” [2].

2.2.2. Thực trạng di cư do BDKH

Di cư do BDKH đang trở thành một xu hướng phổ biến trong phạm vi quốc gia và trên toàn cầu. Giai đoạn 2015 - 2024 ghi nhận khoảng 250 triệu lượt di cư nội địa do thiên tai, tương đương khoảng 67 nghìn lượt mỗi ngày [21, tr. 6]. Đáng chú ý, riêng năm 2024, con số này là khoảng 45,8 triệu, cao gấp đôi mức trung bình của thập kỷ trước và gấp đôi số lượt di cư do chiến tranh, xung đột [1, tr. 10]. Các hiện tượng thời tiết cực đoan như lũ lụt, bão, hạn hán, nắng nóng, cùng với các quá trình suy thoái chậm như nước biển dâng và sa mạc hóa, đang đe dọa nghiêm trọng đến nguồn nước, an ninh lương thực và sinh kế của con người [21, tr. 6].

Mặt khác, BDKH cũng làm trầm trọng thêm các bất ổn sẵn có như xung đột, bạo lực và bất bình đẳng xã hội. Đến giữa năm 2025, khoảng 117 triệu người đã buộc phải di cư, trong đó phần lớn sinh sống tại các quốc gia chịu rủi ro khí hậu cao [21, tr. 6]. Thêm vào đó, số quốc gia đồng thời phải chịu cả xung đột lẫn di cư liên quan đến BDKH đã tăng gấp ba lần kể từ năm 2009 [1, tr. 12]. Các nước như Sudan, Syria, Haiti, Congo, Lebanon, Myanmar và Yemen vừa phải đối mặt với xung đột kéo dài, vừa chịu tác động nặng nề của BDKH, nhưng mới chỉ được tiếp cận khoảng ¼ nguồn tài chính khí hậu cần thiết để thích ứng và hỗ trợ di dời [21, tr. 40].

Đối với di cư quốc tế do BDKH, mặc dù chưa có số liệu thống kê cụ thể, nhưng thực tế cho thấy khoảng 70% người tị nạn và người di cư xuyên biên giới đến từ các quốc gia

đề bị tổn thương trước BĐKH [22]. Trong bối cảnh chưa có khuôn khổ pháp lý quốc tế thống nhất dành cho người di cư do BĐKH, các quốc gia đã áp dụng nhiều cách tiếp cận khác nhau đối với nguyên tắc *non-refoulement* nhằm bảo vệ nhóm đối tượng này trước nguy cơ bị buộc hồi hương trong điều kiện bị đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng và sinh kế.

3. Thực tiễn quốc tế về áp dụng nguyên tắc *non-refoulement* đối với di cư do BĐKH

3.1. Các nước trong Liên minh châu Âu

Tại châu Âu, nguyên tắc *non-refoulement* được triển khai trong khuôn khổ Hệ thống tị nạn chung châu Âu (Common European Asylum System - CEAS) của Liên minh châu Âu (European Union - EU), nhằm thiết lập cơ chế thống nhất về tiếp nhận, xử lý đơn xin tị nạn và đảm bảo thực thi nghĩa vụ theo Công ước 1951 [23]. Các văn bản pháp lý quan trọng như Chỉ thị 2011/95/EU, Chỉ thị 2013/32/EU, và Chỉ thị 2013/33/EU quy định tiêu chí xác định quy chế tị nạn, thủ tục xét duyệt và điều kiện tiếp nhận, qua đó góp phần ngăn ngừa việc trả về những cá nhân có nguy cơ bị đe dọa nghiêm trọng tại quốc gia xuất xứ [24] - [26].

Tuy nhiên, các quy định hiện hành của CEAS vẫn chủ yếu dựa trên định nghĩa “người tị nạn” theo Công ước 1951 và chưa mở rộng cho các trường hợp di cư do thiên tai hoặc BĐKH. Vì vậy, nhóm đối tượng này chưa được thừa nhận chính thức trong hệ thống pháp lý tị nạn của EU, mặc dù vấn đề này đang được tranh luận rộng rãi, và Tòa án châu Âu cũng đã từng ghi nhận về mối liên hệ giữa môi trường và việc đảm bảo các quyền cơ bản của con người như quyền sống và quyền sở hữu tài sản [27].

3.2. Các nước ở Bắc Mỹ

Tại Bắc Mỹ, nguyên tắc *non-refoulement* được thực thi chủ yếu thông qua pháp luật quốc gia về nhập cư và tị nạn. Ở Canada, nguyên tắc này được nội luật hóa trong Đạo luật về nhập cư và bảo vệ người tị nạn, trong đó cấm trục xuất nếu cá nhân có nguy cơ bị tra tấn hoặc đe dọa tính mạng, đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục khi trở về quốc gia xuất xứ (Điều 115) [28]. Ngoài cơ chế tị nạn truyền thống, Canada còn áp dụng các biện pháp bảo vệ bổ sung như “Đánh giá nguy cơ trước khi trục xuất” và quy chế “Cá nhân được bảo hộ” (Điều 112-116) [28], từ đó tạo ra sự linh hoạt trong bảo hộ nhân đạo cho các trường hợp không đáp ứng đầy đủ tiêu chí về người tị nạn [29].

Tại Hoa Kỳ, nguyên tắc *non-refoulement* được thể hiện trong Đạo luật di trú và quốc tịch với các cơ chế như tạm hoãn trục xuất hoặc hoãn trục xuất nhằm bảo vệ cá nhân có nguy cơ bị đe dọa hoặc bị tra tấn khi hồi hương, với mức độ bảo vệ có tính tạm thời (Điều 241(b)(3)) [30, tr. 3]. Các cơ chế này được triển khai trong hệ thống xét xử của tòa án nhập cư và đóng vai trò như một hình thức bảo vệ bổ sung bên cạnh quy chế tị nạn.

Tuy nhiên, mặc dù pháp luật của Hoa Kỳ và Canada đều thừa nhận nguyên tắc *non-refoulement*, nhưng di cư do môi trường hoặc BĐKH vẫn chưa được công nhận như một căn cứ độc lập để cấp quy chế tị nạn. Thay vào đó, các trường hợp tị nạn liên quan đến yếu tố môi trường chủ yếu được xem xét theo từng vụ việc cụ thể thông qua các cơ chế bảo vệ bổ sung hoặc nhân đạo [31] - [33].

3.3. Các nước ở châu Á - Thái Bình Dương

Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực chịu tác động nghiêm trọng của BĐKH, đặc biệt là các quốc đảo nhỏ có địa hình thấp và dễ bị tổn thương trước hiện tượng nước biển dâng hay bão nhiệt đới [34]. Trong bối cảnh đó, một số đơn xin tị nạn liên quan đến yếu tố môi trường cũng đã được New Zealand và Australia xem xét, nhưng phần lớn đều không được chấp nhận theo tiêu chí của Công ước 1951. Chẳng hạn, trong vụ *Ioane Teitiota kiện New Zealand*, Ủy ban Nhân quyền LHQ cho rằng việc New Zealand từ chối cấp quy chế tị nạn cho công dân Ioane Teitiota của Kiribati là hợp lý, vì các tác động của BĐKH như nước biển dâng không thuộc căn cứ “bị bức hại”, và nguy cơ này chưa đủ nghiêm trọng để ngăn cản việc trục xuất [35].

Tương tự, tại Australia, nguyên tắc *non-refoulement* được quy định trong Đạo luật Di trú năm 1958 và gắn với định nghĩa tị nạn của Công ước 1951 [36]. Do đó, các đơn xin tị nạn dựa trên tác động của thiên tai hay BĐKH đều bị bác bỏ do không đáp ứng tiêu chí của Công ước 1951 [37]. Từ đó, có thể thấy rằng, cách tiếp cận phổ biến trong khu vực là vẫn áp dụng định nghĩa tị nạn truyền thống đối với các yêu cầu xin tị nạn do BĐKH. Mặc dù vậy, khu vực này đang có xu hướng áp dụng các cơ chế bảo hộ tị nạn bổ sung như thị thực nhân đạo, di cư lao động có kiểm soát hoặc các thỏa thuận hợp tác khu vực nhằm hỗ trợ người di cư do BĐKH [38].

4. Một số ưu điểm, hạn chế và thách thức của việc áp dụng nguyên tắc *non-refoulement* đối với di cư do BĐKH

4.1. Một số ưu điểm

Trước hết, nguyên tắc *non-refoulement* thiết lập một chuẩn mực bảo vệ tối thiểu đối với cá nhân trong luật pháp quốc tế. Theo đó, các quốc gia bị cấm trục xuất một người đến nơi mà họ có nguy cơ thực sự bị xâm hại nghiêm trọng đến quyền sống, bị tra tấn hoặc bị đối xử vô nhân đạo. Trong bối cảnh BĐKH, nguyên tắc này có thể góp phần ngăn chặn việc trả những người bị ảnh hưởng bởi thiên tai hoặc khủng hoảng môi trường về nơi mà điều kiện sinh tồn không còn được bảo đảm.

Bên cạnh đó, mặc dù khái niệm “tị nạn môi trường”, “tị nạn khí hậu”, hay “di cư do BĐKH” chưa được pháp điển hóa, nhưng nguyên tắc *non-refoulement* vẫn có thể được vận dụng linh hoạt thông qua cách diễn giải các quyền cơ bản, đặc biệt là quyền sống theo Điều 6 của Công ước ICCPR nhằm lấp đầy khoảng trống trong việc bảo vệ người di cư do BĐKH [13]. Thực tiễn quốc tế, như trong vụ *Ioane Teitiota kiện New Zealand* nói trên, đã cho thấy rằng việc trục xuất có thể bị coi là vi phạm nhân quyền nếu BĐKH đe dọa nghiêm trọng đến quyền sống của cá nhân [35].

Ngoài ra, việc áp dụng nguyên tắc *non-refoulement* còn góp phần thúc đẩy nhận thức và thực thi trách nhiệm quốc gia, tạo động lực tăng cường hợp tác quốc tế để chia sẻ trách nhiệm và xây dựng các cơ chế bảo vệ mới đối với cộng đồng di cư do BĐKH. Bên cạnh đó, việc mở rộng cách hiểu và áp dụng nguyên tắc *non-refoulement* trong bối cảnh BĐKH có thể đóng vai trò quan trọng trong việc gắn kết các lĩnh vực luật nhân quyền, luật tị nạn và quản trị di cư toàn cầu [31], [39]. Đồng thời, quá trình này cũng góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng quốc tế về mối liên hệ ngày càng chặt chẽ giữa BĐKH, an ninh con người và việc bảo vệ quyền con người trong bối cảnh toàn cầu hóa.

4.2. Một số hạn chế và thách thức

4.2.1. Việc xác định cơ sở pháp lý

Hạn chế lớn nhất của nguyên tắc *non-refoulement* trong bối cảnh di cư do BĐKH là sự thiếu rõ ràng về cơ sở pháp lý quốc tế. Pháp luật hiện hành chưa xác định cụ thể về mức độ nghiêm trọng của tác động môi trường hoặc BĐKH để làm phát sinh nghĩa vụ quốc gia trong việc tiếp nhận và bảo vệ cá nhân hoặc cộng đồng di cư trong bối cảnh này. Về mặt bản chất, nguyên tắc *non-refoulement* được xây dựng để áp dụng cho người tị nạn theo định nghĩa truyền thống của Công ước 1951 hoặc các trường hợp có nguy cơ bị tra tấn, đối xử vô nhân đạo theo Công ước CAT. Tuy nhiên, các điều ước này đều được hình thành trong bối cảnh lịch sử khi vấn đề di cư do BĐKH chưa được nhận diện như một thách thức pháp lý quốc tế. Do đó, phần lớn trường hợp di cư do BĐKH hiện nay đều không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tị nạn truyền thống, khiến cho việc áp dụng nguyên tắc *non-refoulement* đối với họ vẫn phụ thuộc nhiều vào cách diễn giải và chính sách của từng quốc gia, thay vì dựa trên các nghĩa vụ pháp lý rõ ràng.

4.2.2. Việc xác định quan hệ nhân quả giữa BĐKH và nguy cơ xâm hại quyền con người

Việc chứng minh mối quan hệ nhân quả trực tiếp giữa BĐKH và nguy cơ xâm hại quyền con người là một thách thức lớn trong việc áp dụng nguyên tắc *non-refoulement* đối với di cư do BĐKH. Thực tế cho thấy, quyết định di cư thường là kết quả của nhiều yếu tố kinh tế, xã hội, chính trị và môi trường đan xen chứ không phải xuất phát chỉ từ một nguyên nhân đơn lẻ [39, tr. 4-5]. Do vậy, việc xác định liệu một cá nhân có thực sự phải di cư do các tác động của BĐKH hay không thường rất phức tạp và khó chứng minh về mặt pháp lý.

Bên cạnh đó, nhiều tác động của BĐKH như nước biển dâng, sa mạc hóa hay suy giảm nguồn nước, thường diễn ra một cách dần dần và mang tính tích lũy [39, tr. 5]. Những quá trình này thường không tạo ra mối liên hệ tức thời và rõ ràng giữa yếu tố môi trường và nguy cơ đe dọa đến quyền sống hoặc các quyền cơ bản khác [39, tr. 5]. Do đó, việc áp dụng nguyên tắc *non-refoulement* đòi hỏi phải tiến hành các đánh giá kỹ lưỡng, dựa trên các dữ liệu khoa học, xã hội và pháp lý nhằm xác định mức độ rủi ro nếu cá nhân bị trả về quốc gia xuất xứ. Thách thức này đã được Ủy ban Nhân quyền LHQ thừa nhận trong vụ *Ioane Teitiota kiện New Zealand* rằng việc chứng minh mối liên hệ trực tiếp giữa các tác động môi trường và nguy cơ xâm hại quyền con người là một yêu cầu pháp lý phức tạp [35], [40].

4.2.3. Việc đảm bảo cân bằng giữa nghĩa vụ bảo vệ nhân quyền và chủ quyền của quốc gia tiếp nhận

Một thách thức quan trọng trong việc áp dụng nguyên tắc *non-refoulement* đối với di cư do BĐKH là việc cân bằng giữa nghĩa vụ bảo vệ quyền con người và chủ quyền của quốc gia trong kiểm soát biên giới. Mặc dù nguyên tắc này đặt ra giới hạn đối với quyền trục xuất và buộc các quốc gia phải tiến hành đánh giá thận trọng trước khi hồi hương một cá nhân có nguy cơ bị xâm hại nghiêm trọng, nhưng nó không đồng nghĩa với nghĩa vụ cấp quy chế tị nạn hoặc cho phép cư trú lâu dài. Do đó, trong thực tiễn, nhiều trường hợp di cư chỉ được hưởng các hình thức bảo vệ tạm thời hoặc địa vị pháp lý hạn chế tại quốc gia tiếp nhận [31].

Bên cạnh đó, nhiều quốc gia vẫn tỏ ra thận trọng trong việc mở rộng phạm vi áp dụng của nguyên tắc *non-refoulement* đối với các trường hợp di cư do BĐKH, do lo ngại về áp lực gia tăng đối với hệ thống nhập cư và nguồn lực quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh các dòng di cư có xu hướng gia tăng ngày càng mạnh mẽ do BĐKH [21], [41]. Do đó, việc xây dựng các cơ chế bảo vệ phù hợp đòi hỏi sự cân bằng giữa nghĩa vụ nhân đạo, lợi ích quốc gia và hợp tác quốc tế hiệu quả.

5. Thực tiễn và gợi mở đối với Việt Nam về việc áp dụng nguyên tắc non-refoulement trong tiếp nhận di cư do BĐKH

5.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam liên quan đến nguyên tắc non-refoulement

Việt Nam là thành viên của các điều ước quốc tế quan trọng về quyền con người như Công ước ICCPR và CAT, đồng thời đã nội luật hóa các nghĩa vụ này thông qua Hiến pháp năm 2013, trong đó khẳng định sự công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người và quyền công dân (Điều 3, Điều 14) [42]. Đây là cơ sở hiến định quan trọng cho việc thực thi các nghĩa vụ quốc tế liên quan đến nguyên tắc *non-refoulement*.

Bên cạnh đó, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi năm 2019) cho phép xem xét từng trường hợp cụ thể để gia hạn cư trú hoặc cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài (Điều 28 - 30) [43]. Mặc dù, không quy định trực tiếp về nguyên tắc *non-refoulement*, nhưng các quy định này tạo ra mức độ linh hoạt nhất định để cân nhắc các yếu tố nhân đạo hoặc hoàn cảnh đặc biệt, từ đó có thể xem xét các trường hợp có nguy cơ bị tổn hại nghiêm trọng nếu bị buộc quay trở lại quốc gia xuất xứ.

Tuy vậy, do chưa phê chuẩn Công ước 1951 và Nghị định thư 1967, nên việc thực hiện nguyên tắc *non-refoulement* chưa phải là nghĩa vụ ràng buộc trực tiếp đối với Việt Nam trong việc xử lý và tiếp nhận người tị nạn. Đồng thời, pháp luật Việt Nam hiện chưa quy định trực tiếp vấn đề tị nạn nói chung và tị nạn do BĐKH nói riêng, chưa định nghĩa về “người tị nạn môi trường” hoặc “người di cư do BĐKH”, và chưa thiết lập các thủ tục pháp lý chuyên biệt để xem xét yêu cầu bảo hộ đối với các đối tượng này. Do đó, việc áp dụng nguyên tắc *non-refoulement* cho những người di cư do BĐKH, nếu phát sinh, sẽ có thể được xem xét chủ yếu trên cơ sở các nghĩa vụ chung về bảo vệ quyền con người và các quyết định mang tính nhân đạo của cơ quan có thẩm quyền.

5.2. Thực tiễn tiếp nhận di cư liên quan đến BĐKH ở Việt Nam

Việt Nam hiện chưa phải là quốc gia tiếp nhận đáng kể người di cư quốc tế do BĐKH. Thay vào đó, phần lớn các dòng di cư liên quan đến yếu tố môi trường thường diễn ra trong nước, tập trung chủ yếu tại Đồng bằng sông Cửu Long và khu vực ven biển miền Trung. Dự báo đến năm 2050, có khoảng 1,3 triệu người di cư nội địa ở Việt Nam do tác động của BĐKH, chủ yếu do nước biển dâng, suy giảm tài nguyên và các hiện tượng thời tiết cực đoan [41].

Đối với di cư quốc tế liên quan đến môi trường, Việt Nam chưa ghi nhận nhiều trường hợp yêu cầu bảo hộ do BĐKH. Các trường hợp người nước ngoài chủ yếu được

xử lý theo pháp luật về xuất nhập cảnh và quản lý cư trú, với khả năng cân nhắc các yếu tố nhân đạo trong từng trường hợp chứ chưa có cơ chế pháp lý chuyên biệt dành cho người di cư do BDKH. Như vậy, cách tiếp cận của Việt Nam hiện nay chủ yếu tập trung vào thích ứng với BDKH, quản lý rủi ro thiên tai và hỗ trợ di dời dân cư trong nước, hơn là tiếp nhận người di cư quốc tế vì lý do môi trường.

Tuy vậy, Việt Nam đã tham gia nhiều khuôn khổ hợp tác quốc tế liên quan đến quản lý di cư và BDKH như Thỏa thuận toàn cầu về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự năm 2018 [44], và đã ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận này [45]. Đồng thời, Việt Nam cũng hợp tác với Tổ chức Di cư quốc tế (International Organization for Migration - IOM) nhằm nghiên cứu tác động của BDKH đối với di cư và xây dựng các chính sách thích ứng phù hợp [46]. Những cam kết và hoạt động này cho thấy Việt Nam đang có những bước chuẩn bị tích cực về mặt chính sách, mặc dù chưa hình thành một cơ chế tiếp nhận riêng đối với người di cư quốc tế do BDKH.

5.3. Một số đề xuất về định hướng tiếp nhận di cư do BDKH tại Việt Nam

Trước xu hướng gia tăng của di cư liên quan đến BDKH trên phạm vi toàn cầu, việc nghiên cứu hoàn thiện chính sách và pháp luật về tiếp nhận và bảo vệ người di cư vì lý do môi trường có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam. Mặc dù hiện tại chưa phải là điểm đến phổ biến của các dòng di cư quốc tế do BDKH, song với vị trí địa lý ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, một trong những khu vực chịu tác động nặng nề của BDKH, Việt Nam cần chủ động xây dựng các định hướng ứng phó phù hợp.

Thứ nhất, cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện khung pháp lý, lồng ghép các yếu tố nhân đạo và môi trường vào pháp luật về nhập cảnh, cư trú và trục xuất, trên cơ sở các nghĩa vụ quốc tế về quyền con người và phù hợp với định hướng của Thỏa thuận toàn cầu về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của LHQ năm 2018 [44].

Thứ hai, cần xây dựng cơ chế linh hoạt như thị thực nhân đạo hoặc bảo hộ tạm thời để xử lý các trường hợp di cư do BDKH hoặc liên quan đến môi trường, từ đó góp phần lấp đầy khoảng trống của hệ thống tị nạn hiện hành.

Thứ ba, cần tăng cường hợp tác quốc tế và khu vực, đặc biệt với các tổ chức như IOM, cũng như trong khuôn khổ ASEAN và châu Á - Thái Bình Dương, nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, chia sẻ dữ liệu và xây dựng chính sách phù hợp nhằm ứng phó với các thách thức mới nổi liên quan đến di cư do BDKH [47].

Cuối cùng, với thực trạng di cư do BDKH chủ yếu mang tính nội địa, Việt Nam cần tiếp tục ưu tiên xây dựng các chính sách thích ứng với BDKH, quản lý rủi ro thiên tai và hỗ trợ di cư trong nước. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu tác động của BDKH đối với các cộng đồng dễ bị tổn thương, mà còn tạo nền tảng quan trọng để xây dựng năng lực thể chế trong trường hợp phải đối mặt với các dòng di cư xuyên biên giới trong tương lai.

6. Kết luận

BDKH đang ngày càng trở thành một động lực quan trọng thúc đẩy di cư toàn cầu, đặt ra những thách thức mới đối với hệ thống pháp luật quốc tế trong việc bảo vệ người

di cư. Việc thiếu hụt một cơ chế pháp lý thống nhất cho nhóm người di cư do BDKH đã tạo nên những khoảng trống đáng kể trong việc bảo đảm quyền con người và xác định trách nhiệm của các quốc gia tiếp nhận. Trong bối cảnh đó, nguyên tắc *non-refoulement*, vốn được hình thành và phát triển chủ yếu trong khuôn khổ luật tị nạn truyền thống, đang đứng trước yêu cầu cần được diễn giải và vận dụng linh hoạt hơn nhằm thích ứng với các hình thức di cư mới.

Đối với Việt Nam, mặc dù pháp luật hiện hành chưa quy định trực tiếp về nguyên tắc *non-refoulement* trong bối cảnh di cư do BDKH, nhưng nhiều quy định trong Hiến pháp năm 2013, các văn bản pháp lý liên quan đến người nước ngoài, cũng như các chính sách nhân đạo và hợp tác quốc tế đã tạo cơ sở nhất định để xem xét bảo vệ những đối tượng này trong một số trường hợp đặc biệt.

Trước các thách thức môi trường ngày càng gia tăng, việc hoàn thiện khung pháp lý và chính sách về di cư do BDKH là cần thiết, không chỉ nhằm thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người, mà còn nâng cao năng lực quản trị di cư của Việt Nam. Đồng thời, việc tăng cường hợp tác quốc tế và lồng ghép vấn đề này vào các chiến lược thích ứng với BDKH sẽ góp phần giúp Việt Nam từng bước vận dụng nguyên tắc *non-refoulement* một cách phù hợp trong bối cảnh mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] IDMC, "Global Report on Internal Displacement 2025", *Internal Displacement Monitoring Centre*, 2025. [Online]. Available: <https://api.internal-displacement.org/sites/default/files/publications/documents/idmc-grid-2025-global-report-on-internal-displacement.pdf> [Accessed February 14, 2026].
- [2] United Nations, *Convention relating to the Status of Refugees*, 189 U.N.T.S. 137, 1951.
- [3] United Nations, *Protocol relating to the Status of Refugees*, 606 U.N.T.S. 267, 1967.
- [4] United Nations High Commissioner for Refugees, Advisory Opinion on the Extraterritorial Application of Non-refoulement Obligations under the 1951 Convention relating to the Status of Refugees and its 1967 Protocol, www.unhcr.org, 2007. [Online]. Available: <https://www.unhcr.org/media/advisory-opinion-extraterritorial-application-non-refoulement-obligations-under-1951-0> [Accessed December 14, 2025].
- [5] Organization of African Unity, *Convention Governing Specific Aspects of Refugee Problems in Africa*, 1001 U.N.T.S. 45, 1969.
- [6] Organization of American States, *American Convention on Human Rights "Pact of San José, Costa Rica"*, 1144 U.N.T.S. 123, 1969.
- [7] European Union, *European Convention on Extradition*, ETS 024, 359 U.N.T.S.273, 1957.
- [8] United Nations, *International Convention against the Taking of Hostages*, 1316 U.N.T.S. 205, 1979.
- [9] United Nations General Assembly, *Declaration on Asylum Seekers*, A/RES/2312 (XXII), 1967.
- [10] Colloquium on the International Protection of Refugees in Central America, Mexico and Panama, *Cartagena Declaration on Refugees*, 1984.
- [11] United Nations General Assembly, *Multilateral Convention against torture and other cruel, inhuman or degrading treatment or punishment*, No. 24841, 1984.
- [12] Committee Against Torture, *General Comment No. 4 (2017) on the Implementation of Article 3 of the Convention in the Context of Article 22*, 2017. [Online]. Available: https://www.ohchr.org/sites/default/files/Documents/HRBodies/CAT/CAT-C-GC-4_EN.pdf [Accessed November 19, 2025].
- [13] United Nations, *International Covenant on Civil and Political Rights*, 999 U.N.T.S. 171, 1966.
- [14] Office of the High Commissioner for Human Rights, *CCPR General*

- Comment No. 20: Article 7 (Prohibition of Torture, or Other Cruel, Inhuman or Degrading Treatment or Punishment), March 10, 1992. [Online]. Available: <https://www.refworld.org/legal/general/hrc/1992/11086> [Accessed November 19, 2025].
- [15] Human Rights Committee, *General Comment No. 36 Article 6: Right to Life, CCPR/C/GC/36*, September 03, 2019. [Online]. Available: <https://docs.un.org/en/CCPR/C/GC/36> [Accessed November 19, 2025].
- [16] European Court of Human Rights, *Case of Soering v. The United Kingdom: Judgment*, July 07, 1989. [Online]. Available: <https://hudoc.echr.coe.int/fre?i=001-57619> [Accessed November 19, 2025].
- [17] Human Rights Committee, *General Comment No. 29: Article 4: Derogations during a State of Emergency*, U.N. Doc. CCPR/C/21/Rev.1/Add.11, August 31, 2001. [Online]. Available: <https://digitallibrary.un.org/record/451555?v=pdf> [Accessed January 19, 2026].
- [18] A. M. Rad and M. Habibi, "The Principle of Non-Refoulement: A Customary Rule or an Emerging Peremptory Norm in International Law", *Legal Studies in Digital Age*, vol. 3, no. 2, serial no. 7, 2024, <https://doi.org/10.61838/kman.lsd.3.2.1>
- [19] United Nations, *International Convention for the Suppression of the Financing of Terrorism*, 1999. [Online]. Available: <https://treaties.un.org/doc/db/terrorism/english-18-11.pdf> [Accessed December 30, 2025].
- [20] A. C. B. Sirono and M. Emmanuel (eds.), *International Migration Law: Glossary on Migration*, no. 34, Geneva: International Organization for Migration, 2019. [Online]. Available: <https://ruralindiaonline.org/en/library/resource/glossary-on-migration/> [Accessed December 19, 2025].
- [21] United Nations High Commissioner for Refugees, *No Escape II: The Way Forward - Bringing Climate Solutions to the Frontlines of Conflict and Displacement*, November 10, 2025. [Online]. Available: <https://www.unhcr.org/media/no-escape-ii-way-forward> [Accessed December 30, 2025].
- [22] United Nations High Commissioner for Refugees, "UNHCR's Grandi urges world leaders not to forget displaced people at COP27", *Press Releases*, November 07, 2022. [Online]. Available: <https://www.unhcr.org/news/press/2022/11/636814a04/unhcrs-grandi-urges-world-leaders-forget-displaced-people-cop27.html> [Accessed December 30, 2025].
- [23] European Union Agency for Asylum, "2.1. The Common European Asylum System and current issues", *Asylum Report 2020*, January 2022. [Online]. Available: <https://www.euaa.europa.eu/asylum-report-2020/21-common-european-asylum-system-and-current-issues> [Accessed December 30, 2025].
- [24] European Parliament and Council of the European Union, *Directive 2011/95/EU on standards for the qualification of beneficiaries of international protection*, OJ L 337, December 20, 2011. [Online]. Available: <https://eur-lex.europa.eu/eli/dir/2011/95/oj/eng> [Accessed December 30, 2025].
- [25] European Parliament and Council of the European Union, *Directive 2013/32/EU on common procedures for granting and withdrawing international protection*, OJ L 180, June 29, 2013. [Online]. Available: <https://eur-lex.europa.eu/LexUriServ/LexUriServ.do?uri=OJ:L:2013:180:0060:0095:EN:PDF> [Accessed December 30, 2025].
- [26] European Parliament and Council of the European Union, *Directive 2013/33/EU on laying down standards for the reception of applicants for international protection*, OJ L 180, June 29, 2013. [Online]. Available: <https://eur-lex.europa.eu/LexUriServ/LexUriServ.do?uri=OJ:L:2013:180:0096:0116:EN:PDF> [Accessed December 30, 2025].
- [27] M. Scott, "Natural Disasters, Climate Change and Non-Refoulement: What Scope for Resisting Expulsion under Articles 3 and 8 of the European Convention on Human Rights?", *International Journal of Refugee Law*, vol. 26, no. 3, pp. 404-432, 2014. <https://doi.org/10.1093/ijrl/eu036>
- [28] Canada, *Immigration and Refugee Protection Act*, S.C. 2001, c. 27, 2001. [Online]. Available: <https://laws.justice.gc.ca/PDF/1-2.5.pdf> [Accessed December 30, 2025].
- [29] J. C. Hathaway and M. Foster, *The Law of Refugee Status*, 2nd edition. Cambridge: Cambridge University Press, 2014.
- [30] H. R. Smith, "An Overview of U.S. Immigration Laws Regulating the Admission and Exclusion of Aliens at the Border", *Congressional Research Service*, November 27, 2018. [Online]. Available: https://tracereports.org/tracker/dynadata/2018_12/LSB10150.pdf [Accessed January 12, 2026].
- [31] J. McAdam, *Climate Change, Forced Migration, and International Law*. Oxford: Oxford University Press, 2012.
- [32] K. Walter and N. Schrepfer, *Protecting People Crossing Borders in the Context of Climate Change*. UNHCR: Brookings Institution, 2012.
- [33] A. Purkey, "Vulnerability and the Quest for Protection: A Review of Canadian Migration Case Law", *Laws*, vol. 11, no. 2, 2022. <https://doi.org/10.3390/laws11020020>
- [34] UNICEF Pacific Multi-Country Office, *Climate, Environment, Energy and Disaster Risk Reduction (CEED) Strategy*, 2023. [Online]. Available: <https://www.unicef.org/pacificislands/media/4801/file/UNICEF%20Pacific%20Climate%20and%20Environment%20Strategy.pdf> [Accessed December 30, 2025].
- [35] A. Hatano, "Emerging International Norms to Protect 'Climate Refugees': Human Rights Committee's Decision on Teitiota v New Zealand", *Journal of Human Security Studies*, vol. 10, no. 2, pp. 32-50, 2021. https://doi.org/10.34517/jahss.10.2_32
- [36] Australia, *Migration Act 1958*, no. 62 (1958), Compilation no. 168, January 22, 2026. [Online]. Available: <https://www.legislation.gov.au/C1958A00062/2026-01-22/text> [Accessed February 27, 2026].
- [37] C. Own and B. Scougall, "Climate Change and Forced Displacement: A Case for Refugee Status", *Norton Rose Fulbright*, April 2025. [Online]. Available: <https://www.nortonrosefulbright.com/en-419/knowledge/publications/2b805664/climate-change-and-forced-displacement-a-case-for-refugee-status> [Accessed December 30, 2025].
- [38] J. Barnett and M. Webber, "Accommodating Migration to Promote Adaptation to Climate Change", *Policy Research Working Paper 5270*, April 2010. [Online]. Available: <https://openknowledge.worldbank.org/server/api/core/bitstreams/6b6f21ac-e63a-5be1-8231-ef939765e7ff/content> [Accessed December 30, 2025].
- [39] United Nations High Commissioner for Refugees, "Legal considerations regarding claims for international protection related to the adverse effects of climate change and disasters", *International Journal of Refugee Law*, vol 33, no. 1, pp. 151-165, 2021.
- [40] United Nations Human Rights Committee, *Views adopted by the Committee under article 5(4) of the Optional Protocol, concerning communication No. 2728/2016*, CCPR/C/127/D/2728/2016, September 23, 2020. [Online]. Available: <https://digitallibrary.un.org/record/3979204?ln=en&v=pdf> [Accessed December 30, 2025].
- [41] V. Clement et al., *Groundswell Part II: Acting on Internal Climate Migration*. Washington, DC: The World Bank, 2021.
- [42] National Assembly, *Constitution of the Socialist Republic of Viet Nam*, No. 68/2023/QH13, 2023.
- [43] National Assembly, *Law on Entry, Exit, Transit and Residence of Foreigners in Viet Nam*, No. 47/2014, QH13, 2014.
- [44] United Nations General Assembly, *Global Compact for Safe, Orderly and Regular Migration*. New York: United Nations, 2018.
- [45] Prime Minister of Viet Nam, *Decision on Promulgating the plan on implementation of the United Nations' Global Compact for Safe, Orderly and Regular Migration*, No. 402/QĐ-TTg, 2020.
- [46] VNA, "Viet Nam shows strong commitment to Global Compact for Migration: IOM official", *VOV*, December 19, 2025. [Online]. Available: <https://english.vov.vn/en/society/vietnam-shows-strong-commitment-to-global-compact-for-migration-iom-official-post1255214.vov> [Accessed December 30, 2025].
- [47] International Organization for Migration, "Climate Change Adaption and Migration in the Mekong Delta", Workshop Report, Can Tho University, June 4 - 5, 2012.